

Bản án số: 65 /2019/HNGĐ- ST  
Ngày 27 tháng 8 năm 2019  
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Quý**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2019/TLST- HNGĐ ngày 19/6/2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXX-ST ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1985; HKTT: Thôn A, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. có mặt

- **Bị đơn:** Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1981; HKTT và nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị S trình bày:** Tôi và anh Bùi Văn Đ kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 09/11/2004. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống với bố mẹ tôi tại thôn Đ, xã H, Chương Mỹ. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được 8 năm. Đến năm 2012, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, cờ bạc, gái gú. Từ tháng 05/2018, anh Đ chơi cờ bạc thua bị người ta đòi nợ và anh Đ đã bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn A, xã H, huyện Chương Mỹ, tôi và

anh Đ ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

Về con chung: có 02 con chung: cháu Bùi Văn H, sinh ngày 11/02/2006, Bùi Văn T, sinh ngày 17/5/2007. Hai cháu đang ở với tôi. Trường hợp phải ly hôn tôi xin được nuôi cả hai con chung, tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập, đã được giải thích quyền và nghĩa vụ nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do.**

**Bà Phùng Thị T mẹ đẻ anh Bùi Văn Đ trình bày:** Tôi là mẹ đẻ anh Bùi Văn Đ. Anh Bùi Văn Đ và chị Nguyễn Thị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2004. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị S chung sống bình thường, tuy nhiên do anh Đ chơi cờ bạc, bị nợ nần nên anh Đ và chị S có phát sinh mâu thuẫn. Chị S không có mâu thuẫn gì với bố mẹ chồng. Nay chị S có đơn xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên do anh Đ chơi cờ bạc, nợ nần nên nếu chị S kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh Đ và chị S có 02 con chung: cháu Bùi Văn H, sinh ngày 11/02/2006, Bùi Văn T, sinh ngày 17/5/2007. Hai cháu đang ở với chị S. Trường hợp anh Đ và chị S ly hôn, đề nghị Tòa án quyết định việc nuôi con theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị S có tài sản chung gì tôi không biết rõ. Đề nghị anh Đ, chị S tự giải quyết với nhau về tài sản chung.

**Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị S được ly hôn anh Đ. Con chung: Giao 02 con chung cho chị S nuôi dưỡng. Tài sản, công sức, công

nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Chị S phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1]. Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Bùi Văn Đ. Hiện anh Bùi Văn Đ đang cư trú tại Thôn A, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn – anh Bùi Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn Đ.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn Đ thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 09/11/2004 là hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị S nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, cờ bạc, nợ nần; chị S và anh Đ đã ly thân từ tháng 05/2018 đến nay. Anh Đ đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Mẹ đẻ anh Đ cũng xác nhận, do anh Đ chơi cờ bạc, nợ nần nên hai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 5/2018 anh Đ về chung sống cùng bố mẹ đẻ không có trách nhiệm với cuộc sống của chị S và các con. Tại phiên tòa chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa chị S và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S với anh Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh Đ có 02 con chung là cháu Bùi Văn H, sinh ngày 11/02/2006, Bùi Văn T, sinh ngày 17/5/2007. Hai con chung đang ở với chị S, chị S có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu của chị S; mẹ đẻ anh Đ thì đề nghị xem xét theo nguyện vọng của các cháu. Xét thấy, cháu Bùi Văn H và cháu Bùi Văn T đều có nguyện vọng muốn được ở với chị S. Do đó, giao cho chị S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Văn Hạnh, cháu Bùi Văn Tài đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Chị S không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của chị S. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị S và anh Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị S** được ly hôn anh **Bùi Văn Đ.**

2. Về con chung: Chị S và anh Đ có 02 con chung là cháu Bùi Văn H, sinh ngày 11/02/2006, Bùi Văn T, sinh ngày 17/5/2007.

Chị Nguyễn Thị S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Bùi Văn H, sinh ngày 11/02/2006, Bùi Văn T, sinh ngày 17/5/2007 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Bùi Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Anh Bùi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004100 ngày 19 tháng 6 năm 2019

Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ( 02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

